

Có trách nhiệm tham mưu và hướng dẫn triển khai thực hiện cụ thể kế hoạch hành động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2006-2010; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện. Tham mưu tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết về công tác phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh và báo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh; Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm tỉnh về việc triển khai và tiến độ thực hiện các hoạt động của kế hoạch này; có trách nhiệm triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến chuyên môn y tế; có văn bản chỉ đạo đối với các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân trong việc phối hợp triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống AIDS trên địa bàn tỉnh.

### 3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Tổ chức tốt công tác chữa bệnh, cai nghiện tập trung và các hoạt động tuyên truyền phòng lây nhiễm HIV/AIDS cho các đối tượng nghiện ma túy, mại dâm tại trung tâm Giáo dục – Lao động – Xã hội; phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế để xây dựng các chính sách phù hợp, triển khai thực hiện các chương trình can thiệp giảm tác hại trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các ban, ngành có liên quan và chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người cai nghiện, gái mại dâm hoàn lương có công ăn việc làm, tái hoà nhập cộng đồng.

### 4. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế tuyên truyền và đấu tranh phòng, chống ma túy và phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh.

### 5. Sở Văn hoá - Thông tin

Phối hợp với các cơ quan liên quan, các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức thực hiện tốt các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS.

### 6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi

Phối hợp với Sở Y tế tham gia hỗ trợ phát sóng tuyên truyền phòng, chống AIDS trong các đợt chiến dịch truyền thông và ngày thế giới phòng, chống AIDS (ngày 01/12). Ngoài ra, các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh cần được đưa tin, viết bài phản ánh kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các cơ quan báo chí có kế hoạch tuyên truyền về HIV/AIDS ít nhất một quý một lần trên các báo, tạp chí của mình.

### 7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế triển khai việc giáo dục phòng, chống HIV/AIDS thường xuyên và có hiệu quả trong các trường học và cơ sở đào tạo phù hợp với từng đối tượng.

#### 8. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS kết hợp với giáo dục lối sống lành mạnh, tình dục an toàn trong đoàn viên, thanh niên của tỉnh; tạo nhiều sân chơi bổ ích cho thanh thiếu niên; phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức giáo dục cho các đối tượng nghiện ma túy sau cai nghiện trở về địa phương; đẩy mạnh công tác vận động hiến máu nhân đạo trong đoàn viên, thanh niên.

#### 9. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội vận động các đối tượng mại dâm hoàn lương, đồng thời tổ chức tạo công ăn việc làm, tái hoà nhập cộng đồng cho những đối tượng này; thông qua mạng lưới cộng tác viên cơ sở tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống HIV/AIDS cho các chị em phụ nữ trong toàn tỉnh, đặc biệt chú trọng đối với chị em phụ nữ ở nông thôn, miền núi.

#### 10. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, Hội, đoàn thể liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật phòng, chống HIV/AIDS trong toàn tỉnh.

#### 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính bố trí ngân sách hàng năm, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ cho công tác phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh.

#### 12. Sở Tài chính

Bố trí và cấp kinh phí cho các hoạt động của chương trình phòng, chống AIDS theo kế hoạch ngân sách được trung ương phân bổ cho tỉnh hàng năm. Ngoài ra cần chủ động bố trí thêm ngân sách của địa phương hỗ trợ cho chương trình phòng chống HIV/AIDS.

#### 13. UBND các huyện, thành phố

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác phòng, chống HIV/AIDS; căn cứ mục tiêu của Kế hoạch hành động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2006-2010 của tỉnh để xây dựng kế hoạch chương trình phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương mình, đồng

thời thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả hàng năm, kịp thời biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

- Bố trí kinh phí từ ngân sách của địa phương và huy động các nguồn lực khác hỗ trợ cho chương trình hoạt động phòng, chống HIV/AIDS ở địa phương mình.

#### 14. Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh

Chủ trì và phối hợp với các Hội, đoàn thể tỉnh (Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động...) và các ngành liên quan tăng cường thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, tổ chức tuyên truyền phòng, chống AIDS và triển khai thực hiện kế hoạch hành động trong phạm vi hoạt động của mình.

15. Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì triển khai thực hiện các biện pháp cụ thể, cần đưa các nội dung được phân công vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị mình, đồng thời tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để cùng triển khai thực hiện.

### **V/ Kinh phí, thời gian thực hiện chương trình**

#### 1. Kinh phí

Hàng năm, ngoài kinh phí của tỉnh hỗ trợ cho chương trình phòng chống HIV/AIDS, UBND các huyện, thành phố cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách của địa phương và huy động các nguồn tài trợ hợp pháp để phục vụ cho hoạt động phòng chống HIV/AIDS đạt được các mục tiêu đã đề ra.

#### 2. Thời gian thực hiện

- Trong quý III năm 2006, các Sở, Ban, Ngành, Hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống HIV/AIDS của tỉnh giai đoạn 2006-2010; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị và địa phương.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm, các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống HIV/AIDS cho UBND tỉnh qua Sở Y tế để tổng hợp báo cáo./.

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hoàng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1832/QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 8 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo  
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X về Chương trình mục tiêu giảm nghèo; Việc làm và Đề án hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 606/SLĐTBXH-BTXH ngày 26/7/2006 về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006-2010,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010 (Kế hoạch kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chương trình đạt mục tiêu đề ra.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

### **Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010**

*(Kèm theo Quyết định số 1832 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2006  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

## **I- MỤC TIÊU, THỜI GIAN VÀ PHẠM VI CHƯƠNG TRÌNH**

### **1- Mục tiêu**

#### **1.1- Mục tiêu tổng quát**

Góp phần cùng với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới từ 31,94% năm 2005 xuống còn 19,44% năm 2010 (trong 5 năm giảm 32.583 hộ nghèo), trong đó khu vực miền núi giảm tỷ lệ từ 74,95% năm 2005 xuống còn 35,00% năm 2010; cải thiện đời sống của nhóm hộ nghèo, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo. Kế hoạch hộ nghèo giảm hàng năm chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo.

#### **1.2- Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2010**

Thu nhập của nhóm hộ nghèo tăng 1,45 lần so với năm 2005; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các xã nghèo cơ bản có đủ công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu theo quy định; đảm bảo 100% hộ nghèo có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội; 30.000 lượt hộ nghèo được khuyến nông - lâm - ngư và hướng dẫn cách làm ăn; 6.000 người nghèo được miễn, giảm học phí học nghề; đảm bảo 100% người nghèo được thực hiện Bảo hiểm y tế; 350.000 lượt học sinh nghèo được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường; 7.000 lượt cán bộ tham gia làm công tác giảm nghèo ở các cấp được tập huấn nâng cao năng lực, trong đó 85% là cán bộ cấp cơ sở; 17.000 hộ nghèo được hỗ trợ xóa nhà tạm bợ.

**2- Thời gian thực hiện chương trình:** Bắt đầu từ năm 2006 và kết thúc vào năm 2010.

**3- Phạm vi hoạt động:** Chương trình hoạt động trên phạm vi cả tỉnh.

## **II- NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH**

## **1- Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập**

### ***1.1- Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo***

Cung cấp tín dụng cho các hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất, tăng thu nhập và tự làm giàu để thoát nghèo.

### ***1.2- Chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số***

Giải quyết đất sản xuất theo định mức quy định cho các hộ nghèo dân tộc thiểu số không còn đất hoặc thiếu đất để phát triển sản xuất theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ, duy trì thu nhập ổn định và từng bước tăng thu nhập, vượt nghèo bền vững.

### ***1.3- Dự án khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề***

Hỗ trợ người nghèo về kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch, bố trí sản xuất hợp lý, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào tổ chức sản xuất và kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập bền vững.

### ***1.4- Dự án dạy nghề cho người nghèo***

Trợ giúp người nghèo có được tay nghề cần thiết để tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập thông qua các khóa dạy nghề ngắn hạn để họ tìm việc làm tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ; tham gia xuất khẩu lao động hoặc tự tạo việc làm, góp phần giảm nghèo bền vững.

### ***1.5- Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo***

Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu phục sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo góp phần đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo ở các xã này.

### ***1.6- Dự án nhân rộng mô hình XDGN***

Nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả góp phần đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo chung của tỉnh.

## **2- Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội**

### ***2.1- Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo***

Hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ y tế thuận lợi và bình đẳng hơn khi bị ốm, đau; giảm thiểu rủi ro, khó khăn cho người nghèo.

## ***2.2- Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo***

Hỗ trợ con em hộ nghèo được tới trường học tập bình đẳng như các trẻ em khác, góp phần nâng cao trình độ văn hoá của người nghèo, giảm nghèo bền vững.

## ***2.3- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và nước sinh hoạt***

Hỗ trợ hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo dân tộc thiểu số về đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt để ổn định đời sống và thoát nghèo bền vững.

## ***2.4- Nâng cao năng lực và nhận thức***

### ***a- Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp:***

Nâng cao năng lực trong công tác xóa đói giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ, thông qua đó nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình.

### ***b- Hoạt động truyền thông về giảm nghèo, vươn lên làm giàu:***

Nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng, mục tiêu và chủ trương của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo. Kết hợp tuyên truyền phổ biến những tác hại của căn bệnh, cách phòng tránh và sự cảm thông chia sẻ của cộng đồng đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS, đề từ đó đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức và người dân về giảm nghèo và vươn lên làm giàu.

## ***2.5- Hoạt động giám sát, đánh giá***

Bảo đảm cho chương trình thực hiện có hiệu quả, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, các cấp, các ngành điều chỉnh kịp thời các cơ chế, chính sách và các biện pháp thực hiện.

# **IV- CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

## **1- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về xóa đói giảm nghèo**

Tăng cường các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thiết lập kênh thông tin hai chiều về thực hiện Chương trình giảm nghèo từ cơ sở đến cấp tỉnh và ngược lại để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức và người dân về thoát nghèo vươn lên làm giàu.

## **2- Nguồn vốn**

### **2.1- Nhu cầu về kinh phí để thực hiện Chương trình**

Để thực hiện mục tiêu của chương trình, dự kiến nhu cầu về nguồn kinh phí cho giai đoạn 2006-2010 là 803.000 triệu đồng. Trong đó:

- Phân theo nội dung hoạt động của Chương trình:

+ Tạo điều kiện để người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập: 535.000 triệu đồng;

+ Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội: 268.000 triệu đồng.

- Phân theo phương thức bố trí thực hiện:

+ Nguồn vốn theo chương trình: 113.000 triệu đồng;

+ Nguồn vốn bố trí theo ngành: 690.000 triệu đồng.

- Phân kỳ đầu tư hàng năm:

+ Năm 2006: 163.694 triệu đồng;

+ Năm 2007: 179.144 triệu đồng;

+ Năm 2008: 167.844 triệu đồng;

+ Năm 2009: 146.544 triệu đồng;

+ Năm 2010: 145.773 triệu đồng.

Bình quân mỗi năm 160.600 triệu đồng

## **2.2- Cơ cấu theo nguồn**

+ Ngân sách Trung ương: 325.525 triệu đồng (40,54%)

+ Ngân sách địa phương: 94.275 triệu đồng (11,74%)

Trong đó: \* Cấp tỉnh: 68.175 triệu đồng (72,32%)

\* Cấp huyện, xã: 26.000 triệu đồng (27,68%)

+ Huy động cộng đồng: 33.100 triệu đồng ( 4,12%)

+ Vốn tín dụng: 344.400 triệu đồng (42,89%)

+ Huy động doanh nghiệp, NGO ...: 40.150 triệu đồng (0,71%)

Chi tiết tại các Phụ lục số 2, Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4.

## **2- Cơ chế phân bổ nguồn lực**

- Tập trung ưu tiên đầu tư nguồn lực cho các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và bãi ngang ven biển, hải đảo; các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là đối với những chính sách, dự án phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của mỗi vùng.

- Các địa phương có điều kiện như nhau phân bổ đảm bảo công bằng theo số lượng đối tượng và mức độ khó khăn.

## **3- Tăng cường sự tham gia của người dân**

Tạo điều kiện cho người dân được tham gia vào mọi hoạt động của chương trình từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện ở